

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 19 - 6 - 2019.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và ông Trịnh Văn Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn ĐT, xã Đ S, huyện DT, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Trần Anh S, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn NN, xã TH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có quan điểm:

Chị và anh Trần Anh S tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện DT (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam sau thời gian hai bên tìm hiểu nhau được khoảng 03 tháng. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị

chung sống ở gia đình anh S tại thôn ĐN, xã TH. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng một năm đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của vợ chồng chị không ổn định dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, anh S lại không chịu làm ăn. Từ đó, vợ chồng chị không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống và không còn yêu thương nhau như trước nữa, thậm trí có lần anh S còn đánh đập, chửi bới chị. Ngoài ra, quá trình chung sống tại nhà anh S thì giữa chị và gia đình anh S cũng xảy ra va chạm mâu thuẫn, nên bố mẹ đẻ anh S hắt hủi đuổi chị đi khi chị mới sinh con được mấy tháng. Do vậy, đến tháng 9 năm 2012, chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị sinh sống và nuôi con nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì anh S không hề quan tâm đến con chung và hai bên chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng. Đến nay, chị nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh S không thể hàn gắn được và quan trọng tình cảm chị dành cho anh S không còn nữa, nên chị xin được ly hôn với anh Trần Anh S.

* Tại biên bản tự khai của anh Trần Anh S có quan điểm: Anh cũng xác định về thời gian, địa điểm, trình tự, thủ tục, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng chung sống, sống ly thân như chị H đã khai. Anh chỉ công nhận chỉ có một lần không kìm chế được bản thân nên anh đã tát chị H nên chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ ở, không sống chung với anh nữa. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh cũng hoàn toàn nhất trí.

* Về con chung: Chị H và anh S thống nhất vợ chồng có 01 con trai chung là cháu Trần Thiện N, sinh ngày 17/4/2012 do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc từ bé cho đến nay.

Quan điểm của chị H: Do cháu Trần Thiện N con nhỏ đang ở ổn định với chị và anh S không hề có trách nhiệm gì về điều kiện kinh tế cũng như chăm sóc con chung cả. Để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, nên khi ly hôn chị xin được nuôi con chung Trần Thiện N và chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Quan điểm của anh S: Anh cũng đồng ý khi ly hôn giao cháu Trần Thiện N cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng không có. Hiện chị H không có thai nghén gì.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu ở trên. Anh Trần Anh S có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình nhưng anh không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: Thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tại Điều 70, 71 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Bị đơn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh S.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu Trần Thiện N, sinh ngày 17/4/2012 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, anh Trần Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự xác định không có không đề nghị giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ và nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn anh Trần Anh S có nơi cư trú tại thôn NN, xã TH, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh S có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện DT (nay là thành phố PL), tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện, thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cũng có thời gian hơn một năm chung sống hòa thuận, sau đó mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung và thường xảy ra cãi nhau, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2012 đến nay. Quá trình ly thân thì hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa nên chị H có đơn xin ly hôn anh S gửi đến Ủy ban nhân dân xã TH và Ủy ban nhân dân xã TH đã tiến hành hoà giải, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được, anh S cũng nhất trí ly hôn với chị H. Tại bản tự khai anh S cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ việc, mặc dù Tòa án đã triệu tập anh S nhiều lần để tham gia các phiên họp hoà giải nhưng anh S đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh S không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị H và anh S được quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu TrầnThiện N, sinh ngày 17/4/2012 (con trai). Xét nguyện vọng muốn được nuôi con chung của chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng được nuôi con chung của chị H là chính đáng, hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Xét điều kiện thực tế hiện nay, cháu Thiện N do chị H nuôi dưỡng từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân nhau cho đến nay. Anh S cũng nhất trí giao cháu Thiện N cho chị H nuôi dưỡng. Do đó cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Thiện N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có quan điểm không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật. Do vậy anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị H và anh S phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh S.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trần Thiện N, sinh ngày 17/4/2012 (con trai) cho đến khi cháu Trần Thiện N đủ 18 tuổi. Anh Trần Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị H.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Anh S mỗi người phải nộp là 150.000 đồng, chị H được đối trừ với 300.000 đồng, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002052 ngày 01/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị H được nhận lại 150.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị H và anh S vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã TH, TP PL, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Xuyên